

Kế toán công cụ tài chính phát sinh ở Việt Nam phù hợp với thông lệ kế toán quốc tế

Bùi Thị Hằng¹, Nguyễn Thị Ngọc Tú²

Ngày nhận bài: 10/11/2025 | Ngày gửi phản biện: 12/11/2025 | Ngày duyệt đăng: 22/11/2025

Tóm tắt: *Nền kinh tế Việt Nam đang phát triển và hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế quốc tế, trong bối cảnh đó, thị trường tài chính cũng có bước phát triển mạnh mẽ. Cùng với nhu cầu của các doanh nghiệp trên thị trường tài chính Việt Nam, các giao dịch về công cụ tài chính ngày càng sôi động, cung cấp cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư nhiều lựa chọn trong việc tìm kiếm lợi nhuận và phòng ngừa rủi ro. Áp dụng nhóm chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về công cụ tài chính tại Việt Nam mang lại cho chúng ta nhiều cơ hội trong việc mở rộng hợp tác kinh tế với các nước trên thế giới, phù hợp thông lệ kế toán quốc tế.*

Từ khóa: *IFRS, kế toán, công cụ tài chính.*

1. Đặt vấn đề

Xu hướng toàn cầu hóa kinh tế, tự do hoá thương mại đã làm thay đổi căn bản dòng vốn quốc tế, cùng với đó là sự biến động của giá cả hàng hóa, lãi suất, tỷ giá hối đoái,... đã tạo ra những thách thức lớn đối với các doanh nghiệp. Nhiều nghiên cứu đã nhấn mạnh rằng, một trong những công cụ kinh tế được cho là khá hữu ích và ngày càng trở nên quan trọng, cần thiết đối với các doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập kinh tế, đó là công cụ tài chính phái sinh. Bởi việc sử dụng công cụ tài chính phái sinh sẽ bù đắp những rủi ro kinh doanh vốn có (Danthine, 1978), mang lại lợi ích kinh tế lớn (Sajjad và cộng sự, 2013), giúp gia tăng giá trị doanh nghiệp (Froot và cộng sự, 1993), giảm nguy cơ rủi ro tiềm ẩn (Stulz, 2022) và chi phí vốn vay, ổn định thu nhập (Barton, 2001). Kế toán công cụ tài chính phái sinh là một phần không thể tách rời và luôn gắn liền với các hoạt động giao dịch công cụ tài chính phái sinh. Việc tạo lập các quy định liên quan đến kế toán công cụ tài chính phái sinh đảm bảo kịp thời, đồng bộ và chặt chẽ có ý nghĩa rất quan trọng đối với các doanh nghiệp, đối tượng liên quan như người thực hành, người lập, người sử dụng, người kiểm tra...

2. Chuẩn mực kế toán quốc tế và các văn bản hướng dẫn của Việt Nam liên quan đến kế toán công cụ tài chính phái sinh

Các chuẩn mực kế toán quốc tế liên quan đến kế toán Công cụ tài chính phát sinh (CCTCPS) gồm có: IAS 32: Công cụ tài chính - Trình bày; IAS 39: Công cụ tài chính - Ghi nhận và đo lường; IFRS 7: Công cụ tài chính - Thuyết minh (Công bố); IFRS 9: Công cụ tài chính (Hiệu lực ngày 01/01/2018 - Thay thế IAS39).

Tại Việt Nam, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày BCTC và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Do đó, một số nội dung khác theo IAS 39 và IFRS 9, chưa được đề cập.

Nội dung cơ bản của kế toán CCTCPS sẽ được trình bày theo thứ tự: (i) phân loại, (ii) ghi nhận và dừng ghi nhận, (iii) đo lường, (iv) trình bày, và (v) thuyết minh.

¹ TS., Học viện Tài chính; Email: hangkt@hvtc.edu.vn; Hangbuihvtc@gmail.com

² ThS., Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

2.1. Phân loại công cụ tài chính phái sinh

Theo IAS 39/IFRS 9, CCTCPS được phân loại theo nhiều cách:

- Phân loại theo cơ chế thực hiện hợp đồng có 4 loại: hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi.

- Phân loại theo biến số cơ sở: công cụ phái sinh ngoại tệ, công cụ phái sinh vàng, công cụ phái sinh hàng hóa, công cụ phái sinh tiền tệ, công cụ phái sinh lãi suất, công cụ phái sinh tín dụng, công cụ phái sinh chứng khoán,...

- Phân loại theo tính độc lập của hợp đồng có 2 loại: công cụ phái sinh độc lập, công cụ phái sinh gắn kèm (embedded derivatives)

- Phân loại theo tính phức tạp của hợp đồng có 2 loại: công cụ phái sinh nền tảng (4 loại: hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) và công cụ phái sinh hiện đại (sự kết hợp các công cụ phái sinh nền tảng với nhau như: quyền chọn tương lai trái phiếu,..).

- Phân loại theo quyền hay nghĩa vụ của chủ thể nắm giữ hợp đồng phái sinh có 2 loại: tài sản tài chính phái sinh, nợ phải trả tài chính phái sinh.

- Phân loại công cụ tài chính phái sinh là tài sản tài chính. Theo IFRS 9, tài sản tài chính phái sinh được đo lường theo nguyên giá phân bổ, hoặc theo GTHL, việc phân loại này căn cứ vào: (i) Mô hình kinh doanh của doanh nghiệp trong quản trị tài sản tài chính, và (ii) Đặc trưng các luồng tiền trong hợp đồng đối với tài sản tài chính.

Đối với tài sản tài chính phái sinh đo lường theo nguyên giá phân bổ (IFRS 9) nếu đáp ứng đủ 2 điều kiện: (i) nắm giữ nhằm mục đích thu về các luồng tiền theo hợp đồng, và (ii) Tiền gốc và lãi của tài sản tài chính được thanh toán vào một ngày đã xác định và lãi tính trên tiền gốc chưa thanh toán.

Đối với tài sản tài chính phái sinh đo lường theo GTHL (IFRS 9.4.1.2) được ghi nhận vào kết quả kinh doanh (fair value through profit or loss - FVTPL).

- Phân loại công cụ tài chính phái sinh là nợ phải trả tài chính phái sinh. Tất cả nợ phải trả tài chính phái sinh đo lường theo GTHL thông qua lãi/lỗ. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu và tại thời điểm lập báo cáo, DN buộc đo lường theo GTHL thông qua lãi/lỗ (IFRS 9.4.2.1).

- Công cụ phái sinh gắn kèm (IFRS 9.4.3)

CCTCPS gắn kèm thuộc quyền chọn chuyển đổi vốn CSH, giá trị CCTCPS gắn kèm được phân loại là công cụ vốn CSH.

CCTCPS gắn kèm không thuộc phần vốn CSH (như hợp đồng quyền chọn bán) thì giá trị CCTCPS gắn kèm được phân loại là nợ phải trả.

Tại Việt Nam quy định này chưa được đề cập.

2.2. Ghi nhận và dừng ghi nhận công cụ tài chính phái sinh

Ghi nhận lần đầu công cụ tài chính phái sinh: DN ghi nhận tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính phái sinh trên BCTC khi và chỉ khi trở thành một bên đối tác của hợp đồng (IFRS 9, đoạn 3.1.1 và 3.1.2). Khi ghi nhận ban đầu đối với tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính phái sinh, doanh nghiệp xác định theo GTHL và ghi nhận quyền hay nghĩa vụ trong hợp đồng tài chính phái sinh lên BCĐKT (IFRS 9, đoạn 5.1.1). Vấn đề này chưa được quy định tại các doanh nghiệp VN.

Sau ghi nhận lần đầu công cụ tài chính phái sinh: Sau ghi nhận ban đầu, DN phải xác định giá trị các CCTCPS được phân loại là tài sản hoặc nợ phải trả theo GTHL và được ghi nhận vào báo cáo lãi/lỗ (IFRS 9, B5.2.1, 5.2.2A, B5.4.14). Nội dung này tính đến thời điểm hiện tại thì Việt Nam chưa quy định.

Dừng hoặc dừng ghi nhận công cụ tài chính phái sinh: Dừng hoặc dừng ghi nhận là việc đưa tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính phái sinh đã ghi nhận trước đây ra khỏi BCTC của DN (IFRS 9,

Appendix A - Phụ lục A). Dừng ghi nhận đối với tài sản tài chính phái sinh khi và chỉ khi: (i) Quyền lợi trong hợp đồng đối với dòng tiền thu về hết hiệu lực, hoặc (ii) DN chuyển giao quyền đối với dòng tiền thu về của tài sản phái sinh và việc chuyển giao này đủ điều kiện để dừng (IFRS 9, đoạn 3.2.3, B3.2.4, B3.2.5, B3.2.6). Dừng ghi nhận toàn bộ hay một phần nợ phải trả tài chính phái sinh ra khỏi BCTC khi và chỉ khi hợp đồng đã được thực hiện, hủy bỏ hoặc hết hạn (IFRS9, đoạn 3.3.1). Hiện tại Việt Nam chưa hướng dẫn về việc dừng hoặc dừng ghi nhận.

3. Vận dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) trong kế toán công cụ tài chính phái sinh tại Việt Nam - cơ hội và thách thức

Tại Việt Nam, xét trong nội dung quy định tại thông tư 210/2009/TT-BTC thì các quy định về CCTCPS chưa được hướng dẫn cụ thể và chi tiết, đồng thời một số nội dung chưa được đề cập, hoặc bổ sung, điều chỉnh thêm cho phù hợp và có phần lỗi thời so với quy định hiện hành tại các chuẩn mực kế toán và chuẩn mực BCTC quốc tế tính đến thời điểm này. Từ các quy định về kế toán công cụ tài chính nói chung và CCTCPS nói riêng có thể thấy tính chất phức tạp, khó nhận diện, khó hiểu và khó thực hiện. Tuy nhiên, xét ở quan điểm khác, theo Yagoubi (2014) thì: (i) Ở góc độ kinh tế, kế toán CCTCPS tạo điều kiện cho dòng vốn hoạt động hiệu quả trên thị trường; có chức năng đo lường, và là hệ thống đánh giá, xác định giá trị hàng hóa, dịch vụ... (ii) Ở góc độ thể chế, kế toán bao gồm các khuôn khổ pháp lý, kiểm soát các quá trình kinh tế và giải mã các giá trị kinh tế, đồng thời tăng cường vai trò thông tin và sự thích hợp của thông tin thông qua việc trình bày và được công bố trên BCTC. (iii) Ở góc độ xã hội, kế toán góp phần mang lại lợi ích xã hội, duy trì và phát triển bền vững cho xã hội thông qua việc cải thiện thông tin. Do đó, có thể nói kế toán được xem xét như một công cụ kiểm soát, quản trị hiệu quả. Với cách nhìn nhận này, kế toán là công cụ cung cấp phương pháp trong đo lường, công bố và trình bày, và dễ thực hiện. Từ quan điểm này, có thể nhận thấy, để giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh, góp phần thúc đẩy xã hội phát triển, và tạo những bước tiến mới trong hội nhập và hài hòa với kế toán quốc tế, đối với kế toán CCTCPS ở Việt Nam cũng cần được thực hiện, và tiến hành thông qua: - Phân loại. - Ghi nhận ban đầu. - Dừng hoặc ngừng ghi nhận. - Đo lường. - Trình bày - Công bố (thuyết minh). - Tài khoản kế toán.

Cơ hội khi áp dụng IFRS về công cụ tài chính tại Việt Nam

Việc áp dụng IFRS đang trở thành chủ đề rất được quan tâm hiện nay, bởi lẽ vẫn còn nhiều những mặt hạn chế, khi các tổ chức tín dụng ở Việt Nam vẫn đang áp dụng VAS. Các doanh nghiệp có nhiều cơ hội khi áp dụng nhóm IFRS về công cụ tài chính tại Việt Nam. Cụ thể, việc sử dụng công cụ tài chính đa dạng và phù hợp giúp doanh nghiệp có thể tăng cường năng lực tài chính và đa dạng hóa nguồn thu nhập, tăng cường khả năng quản lý rủi ro và tối ưu hóa chi phí.

Với việc áp dụng nhóm IFRS về CCTC, các doanh nghiệp có thể tận dụng những công cụ tài chính như cổ phiếu, trái phiếu, quỹ đầu tư, tín dụng bằng chứng khoán và các công cụ tài chính phái sinh khác để tăng cường thu nhập và tăng cường năng lực tài chính. Chẳng hạn, việc mua các công cụ tài chính phái sinh giúp có thể bảo vệ khỏi những rủi ro thị trường và tăng cường khả năng tài chính.

Ngoài ra, việc áp dụng nhóm IFRS cũng giúp các doanh nghiệp tối ưu hóa chi phí với các hình thức tài chính khác như cho vay và phát hành trái phiếu. Bằng cách đưa ra các điều kiện vay khắt khe, có thể tối ưu hóa rủi ro và tăng cường lợi nhuận từ hoạt động cho vay. Tuy nhiên, việc áp dụng nhóm IFRS về CCTC cũng đem lại một số thách thức cho các doanh nghiệp. Các công cụ tài chính phái sinh, chẳng hạn như quyền chọn (option), có thể đòi hỏi các kỹ năng và kiến thức đặc biệt để quản lý hiệu quả.

Thách thức khi áp dụng IFRS về công cụ tài chính tại Việt Nam

Một là, các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp tại Việt Nam, chưa phản ánh được sức khỏe tài chính một cách minh bạch, thông qua BCTC theo VAS. Điều này phần nào tạo nên rào cản đối với các nhà đầu tư,

đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài bán khoản và nghi ngại khi tiếp cận. Do đó, việc tiếp cận nguồn vốn FDI từ nước ngoài của các tổ chức kinh tế đang tốn nhiều chi phí cho phần việc chuyển đổi BCTC theo VAS sang IFRS. Điều này có thể chứng minh rằng, giữa VAS và IFRS vẫn có những khoảng cách tương đối và càng ngày VAS đang bộc lộ những hạn chế, bất cập trong BCTC.

Hai là, VAS hướng đến việc ghi nhận tài sản và nợ phải trả theo giá gốc, chứ không phải giá trị hợp lý (giá trị thị trường). Các tổ chức tín dụng, đặc biệt là các ngân hàng đang vận hành với hình thức kinh doanh trong lĩnh vực tiền tệ và cung cấp dịch vụ ngân hàng. Đối tượng chủ yếu chính là các công cụ tài chính và giá trị của chúng thường xuyên biến động theo giá trị thị trường. Chính vì vậy, các công cụ tài chính cần được ghi nhận và công bố theo giá trị thực của nó. Tuy nhiên, VAS chưa có quy định cho phép đánh giá lại tài sản và nợ phải trả theo giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo. Điều này ảnh hưởng lớn đến việc kiểm tra các tài sản và nợ phải trả được phân loại là công cụ tài chính, làm suy giảm tính trung thực hợp lý của BCTC và chưa phù hợp với IFRS. Do đó, các đối tượng sử dụng BCTC không thể đánh giá được hết khả năng, cũng như tiềm lực tài chính và cả những rủi ro mà các tổ chức tín dụng có thể gặp phải.

Ba là, các doanh nghiệp gặp khó khăn trong quá trình áp dụng IFRS. Bộ Tài chính ban hành chuẩn mực kế toán cho tất cả các doanh nghiệp, điều này dẫn đến sự chung chung, chưa có tính cụ thể cho từng đối tượng, từng loại hình doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp đặc thù. Mặc dù có thông tư hướng dẫn nhưng trên thực tế có những trường hợp chưa nhất quán giữa chuẩn mực và chế độ kế toán của ngành. Trong trường hợp này, tổ chức tín dụng nếu chọn áp dụng chế độ kế toán thì vai trò của hệ thống chuẩn mực đã giảm đi sự quan trọng và ngược lại, khiến cho các doanh nghiệp trở nên lúng túng trong quá trình thực hiện.

Hiện nay, có một khoảng cách khá lớn giữa VAS và IFRS, đặc biệt là trong IFRS 9, một chuẩn mực sẽ ảnh hưởng lớn nhất tới hoạt động của các tổ chức tín dụng. Việc nhận thức những khác biệt trong IFRS 9 và các quy định hiện tại của chế độ kế toán Việt Nam là rất quan trọng. Từ đó để tìm ra các giải pháp, để tiến tới áp dụng IFRS trong kế toán CCTCPS một cách hiệu quả cho các doanh nghiệp Việt Nam.

4. Kết luận và giải pháp

Bộ Tài chính có vai trò quan trọng trong việc áp dụng IFRS tại Việt Nam. Bộ Tài chính cần xây dựng chiến lược triển khai IFRS một cách cụ thể, kết hợp với các doanh nghiệp để xây dựng cơ sở cho việc xác định các giá trị ước tính như giá trị hợp lý, giá trị có thể thu hồi. Qua đó, giúp tăng cường sự đồng bộ và tính nhất quán trong việc áp dụng IFRS về công cụ tài chính phái sinh tại Việt Nam.

Thứ nhất, xây dựng hệ thống pháp lý về kế toán CCTCPS: hệ thống pháp lý cũng như các quy định liên quan trực tiếp đến công cụ tài chính phái sinh còn thiếu và chưa hoàn thiện nên các doanh nghiệp không có căn cứ pháp lý để thực hiện một số kỹ thuật trong hoạt động giao dịch phái sinh, kế toán công cụ tài chính phái sinh (ghi nhận giá trị hợp lý của một số tài sản và nợ phải trả, bất động sản đầu tư, tài sản sinh học...). Đặc biệt là, nguyên tắc kế toán theo giá gốc vẫn còn tồn tại trong các quy định của Việt Nam, trong khi chưa có các chuẩn mực kế toán Việt Nam tương đồng với các chuẩn mực kế toán quốc tế về công cụ tài chính (ví dụ: IAS 32, IFRS 7, IFRS 9, IFRS 13) cũng như chưa có Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính nên việc vận dụng kế toán công cụ tài chính phái sinh chưa thật sự có hệ thống. Ngoài ra, hệ thống pháp lý trong lĩnh vực kế toán, thuế, thị trường phái sinh và lĩnh vực khác có liên quan chưa đồng bộ, tính thực thi và hiệu lực pháp lý thấp bởi các quy định đều hướng dẫn chung chung, chưa cụ thể, chi tiết về việc ghi nhận, đánh giá, trình bày, thuyết minh và công bố các thông tin liên quan đến các hoạt động giao dịch phái sinh. Do đó, việc ghi nhận trong kế toán các giao dịch phái sinh chỉ phản ánh phần lãi hoặc lỗ thực tế phát sinh, trong khi tại ngày lập báo cáo tài chính phần lãi hoặc lỗ chưa ghi nhận theo giá thị trường trên BCTC.

Thứ hai, nâng cao nhận thức của nhà quản trị doanh nghiệp về CCTCPS: Thực tế cho thấy, nhà quản lý và người điều hành doanh nghiệp là những người đi đầu nhận thức về vai trò của kế toán CCTCPS và là người quyết định hoặc dẫn dắt các bộ phận trong doanh nghiệp áp dụng kế toán CCTCPS. Nếu nhà quản lý yêu cầu đưa kế toán CCTCPS vào áp dụng như một trong những mục tiêu hàng đầu, thì việc áp dụng kế toán CCTCPS trong các doanh nghiệp này sẽ được thúc đẩy nhanh chóng. Do đó, nếu nhà quản lý, điều hành doanh nghiệp nhận thức được lợi ích, đánh giá cao tính hữu ích của các công cụ kế toán CCTCPS mang lại thì họ sẽ quan tâm và có kế hoạch áp dụng kế toán CCTCPS để chủ động phòng ngừa các rủi ro, bất trắc có thể xảy ra đối với doanh nghiệp của mình. Ở Việt Nam, nhiều nhà quản lý, người điều hành DN thường quan tâm đến kế toán tài chính để lập BCTC nhằm cung cấp thông tin tình hình tài chính của DN cho các cơ quan quản lý, cổ đông, chủ nợ... nên việc áp dụng kế toán CCTCPS chưa quan tâm đúng mức trong quá trình ra quyết định. Hơn nữa, các nhà quản trị doanh nghiệp chưa nhận thức được lợi ích cũng như hiểu biết về bản chất, tầm quan trọng của các loại công cụ phái sinh phục vụ đánh giá tác động của rủi ro và quản trị rủi ro. Bên cạnh đó, hầu hết các doanh nghiệp do nguồn tài chính còn hạn chế nên chưa có chính sách đào tạo, bồi dưỡng cũng như tuyên truyền phổ biến kiến thức, hướng dẫn cho đội ngũ nguồn nhân lực bên trong doanh nghiệp nhằm nâng cao hiểu biết về công cụ tài chính phái sinh, giao dịch phái sinh và các sản phẩm phái sinh.

Thứ ba, nâng cao trình độ của nhân viên kế toán: Kế toán công cụ tài chính nói chung, công cụ tài chính phái sinh nói riêng được cho là tương đối phức tạp, khó nhận diện, khó hiểu và khó thực hiện. Trong khi, ở Việt Nam phần lớn đội ngũ nhân lực kế toán chưa hiểu biết chuyên môn sâu cũng như chưa được tiếp cận, đào tạo chuyên sâu, thiếu đội ngũ chuyên gia, kiểm toán viên am hiểu, có kinh nghiệm về kế toán công cụ phái sinh. Thật vậy, đội ngũ kế toán viên trong DN có ảnh hưởng lớn đến tổ chức công tác kế toán; tác động đến quá trình thu nhận, xử lý thông tin kế toán nhằm cung cấp cho nhà quản lý để ra quyết định chính xác, kịp thời. Do vậy, đội ngũ kế toán trong doanh nghiệp cần phải có trình độ, kiến thức và kinh nghiệm, được đào tạo bài bản về nghề nghiệp kế toán để công tác kế toán tại doanh nghiệp được tốt hơn, tạo tiền đề cho việc áp dụng kế toán CCTCPS. Ở Việt Nam, hiện tại có nhiều trường đại học, cao đẳng và các trung tâm đào tạo ngắn hạn về kế toán, từ kế toán sơ cấp đến kế toán thuế, kế toán nâng cao, kế toán trưởng cũng như các chứng chỉ khác trong và ngoài nước. Tuy nhiên, hầu hết các chương trình đào tạo chỉ tập trung vào đào tạo về kế toán tài chính theo chế độ kế toán, chưa có nhiều chương trình đào tạo kế toán CCTCPS. Điều này dẫn đến một bộ phận lớn người hành nghề kế toán chỉ có kiến thức, kinh nghiệm về kế toán tài chính theo chế độ, thiếu kiến thức và trình độ chuyên môn kế toán CCTCPS. Do đó, việc áp dụng kế toán CCTCPS trong các doanh nghiệp Việt Nam sẽ gặp phải một số khó khăn nhất định.

Thứ tư, vai trò của tổ chức hiệp hội nghề nghiệp

Ở Việt Nam, Bộ Tài chính là cơ quan Nhà nước chịu trách nhiệm và có thẩm quyền soạn thảo, công bố chuẩn mực kế toán, còn các tổ chức, hiệp hội nghề nghiệp là thành viên tham gia ban soạn thảo nên chưa đóng vai trò chủ đạo trong quá trình soạn thảo chuẩn mực kế toán cũng như thực hành kế toán. Ngoài ra, tổ chức, hiệp hội nghề nghiệp cần phát huy hết vai trò trong việc tuyên truyền, quảng bá, hướng dẫn thông qua các hoạt động đào tạo, tọa đàm, hội thảo... về kế toán CCTCPS cũng như lợi ích của việc áp dụng kế toán CCTCPS.

Tài liệu tham khảo

1. FASB, Hệ thống chuẩn mực kế toán tài chính (ASC)
2. IASB, Chuẩn mực kế toán quốc tế IAS 32, IFRS 7, IFRS 9, IFRS 13...
3. Quốc hội (2015), Luật Kế toán 88/2015/QH13, ban hành ngày 20/11/2015.
4. Bộ Tài chính (2002), Chuẩn mực kế toán Việt Nam